TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST
Ngày: 05-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 51/2019/TLST- KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH AC; trụ sở: Số x, Đại lộ BD, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Dương TH, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn MT, xã KT, huyện KA, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy ủy quyền ngày 23/12/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH VJP; trụ sở: Số y, Đại Lộ HN, khu công nghiệp VS, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông BKP, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/9/2019, văn bản số 241/2019/CV-AC ngày 09/12/2019 về việc Bổ sung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do bà Dương TH đại diện trình bày:

Công ty TNHH AC (Sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH VJP (Sau đây gọi là bị đơn) có ký kết hợp động cung ứng dịch vụ bảo vệ. Theo đó, nguyên đơn cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bị đơn tại hai địa điểm, cụ thể như sau:

Địa điểm thứ nhất: Bảo vệ tại Trụ sở của bị đơn tại địa chỉ số x, Đại lộ BD, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 77/2016/HĐ-AC ngày 30/9/2016 có hiệu lực từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/9/2017. Khi hết hạn hợp đồng, nguyên đơn có ký và gửi cho bị đơn phụ lục gia hạn hợp đồng:

+) Phụ lục hợp đồng số 30/2017/PLHĐ ngày 30/9/2017 gia hạn 01 năm kể từ ngày 01/10/2017 đến 30/9/2018;

+) Phụ lục hợp đồng số 36/2018/PLHĐ ngày 30/9/2018 gia hạn 01 năm kể từ ngày 01/10/2018 đến 30/9/2019.

Tuy nhiên, sau khi nhận được các phụ lục hợp đồng trên bị đơn không kí và cũng không gửi lại cho nguyên đơn.

Theo hợp đồng số 77/2016/HĐ-AC ngày 30/9/2016, phí dịch vụ bị đơn phải trả hàng tháng là 39.504.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Đến tháng 9/2019, các đương sự có thỏa thuận với nhau về việc điều chỉnh giảm số lượng nhân viên bảo vệ và phí dịch vụ bảo vệ tại trụ sở của bị đơn xuống còn 15.801.600 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế VAT. Tính đến ngày 31/12/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền phí dịch vụ của hợp đồng này là 769.931.040 đồng đã bao gồm thuế VAT. Số nợ này thể hiện tại 21 hóa đơn VAT nguyên đơn đã xuất cho bị đơn, bị đơn đã sử dụng các hóa đơn này để báo cáo thuế đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Địa điểm thứ hai: Bảo vệ tại Chi nhánh của bị đơn tại Khu công nghiệp CT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bình Phước. Để bảo vệ địa điểm này, nguyên đơn và bị đơn có ký 02 hợp đồng, cụ thể:

- Hợp đồng số 35/2017/HĐ-AC ngày 26/4/2017 có hiệu lực từ ngày 01/5/2017 đến ngày 30/4/2018.

- Hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018 có hiệu lực từ ngày 01/5/2018 đến ngày 30/4/2019. Khi hợp đồng hết hạn, nguyên đơn đã gửi phụ lục số 16-1/2019/PLHĐ ngày 26/4/2019 gia hạn hợp đồng thêm 01 năm kể từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/4/2020 nhưng bị đơn chưa gửi lại phụ lục này cho nguyên đơn.

Theo Hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018, phí dịch vụ bị đơn phải trả nguyên đơn là 122.184.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Tính đến ngày 31/12/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền phí dịch vụ của hợp đồng này là 1.997.523.440 đồng đã bao gồm thuế VAT.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhiều lần vi phạm hợp đồng về việc thanh toán phí dịch vụ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn hứa hẹn mà không thanh toán.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ phí dịch vụ bảo vệ theo hợp đồng số 77/2016/HĐ-AC ngày 30/9/2016 và các phụ lục của hợp đồng này với số tiền cụ thể là 769.931.040 đồng đã bao gồm thuế VAT. Đối với số tiền nợ phí dịch vụ của Hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018 và phụ lục số 16-1/2019/PLHĐ ngày 26/4/2019 nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập người đại diện theo pháp luật của bị đơn để làm việc nhưng bị đơn không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ 769.931.040 đồng đã bao gồm thuế VAT trong hợp đồng cung ứng dịch vụ (bảo vệ) của hợp đồng số 77/2016/HĐ-AC ngày 30/9/2016 và các phụ lục của hợp đồng này; rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ phí dịch vụ trong hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018 và phụ lục số 16-1/2019/PLHĐ ngày 26/4/2019 là 1.997.523.440 đồng đã bao gồm thuế VAT. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, theo công văn số 7118/CT-TTKT1 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, bị đơn đã sử dụng các hóa đơn do nguyên đơn xuất theo hợp đồng số 77/2016/HĐ-AC ngày 30/9/2016 và các phụ lục của hợp đồng này để kê khai, báo cáo thuế. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phí dịch vụ còn nợ 769.931.040 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng cung ứng dịch vụ theo quy định tại Điều 74 của Luật Thương mại; tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.997.523.440 đồng là phí dịch vụ bị đơn còn nợ theo hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018 và phụ lục số 16-1/2019/PLHĐ ngày 26/4/2019. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Vì vậy, căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo nội dung đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa, nội dung tranh chấp giữa các đương sự như sau: Ngày 30/9/2016, nguyên đơn và bị đơn kí kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 77/2016/HĐ-AC theo đó, nguyên đơn cung cấp 04 vị trí bảo vệ với phí dịch vụ là 39.504.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT; thời hạn hợp đồng là 01 năm từ ngày 01/10/2016 đến 30/9/2017. Hết hạn hợp đồng, nguyên đơn có ký và gửi các phụ lục gia hạn hợp đồng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không ký cũng không gửi lại các phụ lục này cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký và bị đơn không có ý kiến phản đối gì về việc này. Đến tháng 9/2019, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về việc điều chỉnh giảm số lượng nhân viên bảo vệ và phí dịch vụ bảo vệ tại trụ sở của bị đơn. Cụ thể, giảm số nhân viên bảo vệ và điều chỉnh phí dịch vụ xuống còn 15.801.600 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế VAT. Tính đến ngày 31/12/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền phí dịch vụ là 769.931.040 đồng đã bao gồm thuế VAT.

Trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ đã cung cấp. Tuy hợp đồng của các bên có thời hạn 01 năm kết thúc vào ngày 30/9/2017 nhưng sau khi hết hạn hợp đồng, nguyên đơn vẫn tiếp tục cung cấp dịch vụ và có gửi phụ lục gia hạn hợp đồng cho bị đơn, việc bị đơn không ký và không gửi lại phụ lục hợp đồng cho nguyên đơn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối gì nên được coi là thừa nhận việc cùng với nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng, hợp đồng giữa các bên vẫn phát sinh hiệu lực nên bị đơn phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ký.

Theo Công văn số 7118/CT-TTKT1 ngày 31/3/2020 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương, trong năm 2018 và năm 2019 bị đơn đã sử dụng 21 hóa đơn VAT do nguyên đơn xuất với tổng số tiền là 786.524.640 đồng để kê khai, thực hiện các thủ tục về thuế. Danh sách các hóa đơn VAT này hoàn toàn phù hợp về số và ngày nguyên đơn phát hành hóa đơn. Theo trình bày của nguyên đơn trước đây do có lần bị đơn thanh toán bằng tiền Đô la nên sau khi hai bên bàn bạc, thống nhất về tỷ giá thì xác định bị đơn đã thanh toán số tiền 16.593.600 đồng, hiện chỉ còn nợ 769.931.040 đồng. Sự thừa nhận này của nguyên đơn là chứng cứ bị đơn không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền phí dịch vụ bảo vệ của nguyên đơn với số tiền 769.931.040 đồng, việc bị đơn không trả tiền phí dịch vụ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của khách hàng quy định tại Điều 85, 87 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền

cung ứng dịch vụ chưa trả là có căn cứ, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 769.931.040 đồng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán nên không xem xét.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 74, 85, 87 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AC đối với Công ty TNHH VJP về việc tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ đối với Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 77/2016/HĐ-AC ngày 30/9/2016.

Buộc Công ty TNHH VJP phải thanh toán cho Công ty TNHH AC số tiền 769.931.040 đồng (Bảy trăm sáu chín triệu, chín trăm ba mốt nghìn, không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH AC có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH VJP chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AC đối với Công ty TNHH VJP về việc tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ đối với hợp đồng số 29/2018/HĐ-AC ngày 28/4/2018, số tiền tranh chấp là 1.997.523.440 đồng.

3. Về án phí:

Trả lại cho Công ty TNHH AC số tiền 43.674.545 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0036669 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH VJP phải chịu 34.797.242 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Vũ Trọng Quân